7. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

7.1. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Học sinh ôn tập những kiến thức lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 7, với nội dung kiến thức:

Bài 1: Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 2: Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 3: Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945

Bài 4: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

*** Yêu cầu**

1. Nắm vững các sự kiện lịch sử chính.

2. Nắm được kĩ năng trả lời câu hỏi.

II. ĐỀ MINH HỌA

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (5,0 điểm)

Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1: Kết quả lớn nhất của Cách mạng tháng 11- 1918 ở Đức là gì?

A. Chế độ quân chủ bị lật đổ, thiết lập chế độ cộng hòa tư sản.

B. Các Xô viết đại biểu công nhân, binh lính được thành lập.

C. Thành quả của cách mạng rơi vào tay giai cấp tư sản.

D. Quần chúng được tập dượt trong đấu tranh

Câu 2: Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ bắt đầu trong lĩnh vực gì?

A. Tháng 7 – 1929 trong lĩnh vực ngân hàng.

B. Tháng 8 – 1929 trong lĩnh vực tài chính.

C. Tháng 9 – 1929 trong lĩnh vực công nghiệp.

D. Tháng 10 – 1929 trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Câu 3: Hoàn cảnh cơ bản nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Quốc tế cộng sản?

A. Cao trào cách mạng dâng cao ở các nước thuộc châu Âu dẫn đến sự thành lập các đảng cộng sản ở nhiều nước.

B. Chính quyền tư sản đàn áp khủng bố phong trào của quần chúng.

C. Những hoạt động tích cực của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga.

D. Quốc tế thứ hai giải tán.

Câu 4: Quốc tế cộng sản trở thành một tổ chức của lực lượng nào?

A. Giai cấp công nhân thế giới.

B. Đảng cộng sản của các nước trên thế giới.

C. Khối liên minh công – nông tất cả các nước.

D. Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Câu 5: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đã để lại hậu quả nghiêm trọng gì đối với các nước tư bản châu Âu?

A. Xuất hiện một số quốc gia mới.

LIVEWORKSHEETS

B. Các nước thắng trận và bại trận đều bị suy sụp về kinh tế.
C. Sự khủng hoảng về chính trị.
D. Cao trào cách mạng bùng nổ mạnh mẽ.

Câu 6: Phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc được mở đầu bằng cuộc biểu tình của tầng lớp nào?
A. Biểu tình của 3000 học sinh ở Bắc Kinh.
B. Biểu tình của 3000 công nhân Bắc Kinh.
C. Biểu tình của 3000 nông dân Bắc Kinh
D. Biểu tình của 3000 công nhân, nông dân, trí thức ở Bắc Kinh.

Câu 7: Kết quả của những cuộc khởi nghĩa Gia – va, Xô – viết Nghệ - Tĩnh là gì?
A. Giành thắng lợi và giải phóng dân tộc.
B. Lan rộng khắp Đông Nam Á và làm động lực cho các cuộc khởi nghĩa toàn dân.
C. Lật đổ chính quyền phản quốc và đế quốc xâm lược.
D. Bị chính quyền thực dân đàn áp đẫm máu.

Câu 8: Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có quy mô như thế nào?
A. Phong trào nổ ra rầm rộ ở Đông Bắc Á.
B. Phong trào diễn ra quyết liệt ở Đông Nam Á và Tây Á.
C. Phong trào có quy mô rộng khắp toàn châu Á.
D. Phong trào có quy mô mở rộng nổ ra ở Bắc Á, Đông Nam Á và Nam Á.

Câu 9. Mặt trận Đồng minh chống phát xít được thành lập gồm những quốc gia nào?
A. Liên Xô, Anh, Mỹ
B. Mỹ, Liên Xô, Đức
C. Anh, I – ta – li – a, Nhật Bản
D. Đức, Mỹ, Trung Quốc

Câu 10. Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?
A. Trả thù sự tấn công của Nhật vào hạm đội Mỹ.
B. Chống lại sự tấn công của phát xít Đức ở châu Âu.
C. Đoàn kết và tập hợp các lực lượng trên thế giới để tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
D. Liên kết giữa khối phát xít và khối các nước đế quốc để chống Liên Xô.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai về nội dung lịch sử dưới đây đối với các ý sau:

Câu 1. Quan sát bảng số liệu dưới đây và trả lời câu hỏi:

BẢNG THỐNG KÊ HẬU QUẢ CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Danh mục thống kê	Số liệu
Số nước tham chiến	76
Số người gia nhập quân đội (triệu người)	110
Số người chết vì chiến tranh (triệu người)	60
Số người bị thương (triệu người)	90
Thiệt hại về vật chất (tỉ USD)	4 000
Chi phí quân sự trực tiếp (tỉ USD)	1 384

LIVEWORKSHEETS

a) Nhờ sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật và khả năng kiểm soát chiến trường hiện đại, quy mô tàn phá và số lượng thương vong trong Chiến tranh thế giới thứ hai thấp hơn so với Chiến tranh thế giới thứ nhất.

b) Nếu như sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Đức bị cô lập thì sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Đức được chia làm hai và trở thành tâm điểm đối đầu Đông - Tây.

c) Việc các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đồng loạt nổi dậy giành độc lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai chủ yếu bắt nguồn từ quá trình tự giác dân tộc hơn là hệ quả trực tiếp của chiến tranh và sự suy yếu của các đế quốc thực dân.

d) Ý nghĩa lớn nhất của Chiến tranh thế giới thứ hai là giúp các nước thắng trận mở rộng ảnh hưởng địa chính trị và thiết lập lại quyền kiểm soát thuộc địa một cách hợp pháp.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"*Hồi 8 giờ 15 phút (giờ Nhật Bản) ngày 6-8-1945, máy bay Mĩ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma (Nhật Bản). Phần đông dân cư ở trong phạm vi trung tâm vụ nổ trong chớp mắt đã bị thiêu cháy thành tro bụi. Những người còn sống sót cũng bị ảnh hưởng phóng xạ chết một cách đau đớn… Trong thành phố, nơi có nhiều ngôi nhà gỗ, các đám cháy bùng lên cao, sau một ngày đêm, Hi-rô-si-ma trở thành sa mạc chết.*

Ngày 8-8-1945, Mĩ ném quả bom nguyên tử thứ hai xuống thành phố Na-ga-sa-ki (Nhật Bản). Kết quả của hai quả bom nguyên tử này đã giết chết 247.000 người ở Hi-rô-si-ma và khoảng 200.000 người ở Na-ga-sa-ki. Vì ảnh hưởng phóng xạ, đến năm 1951 lại có thêm gần 100.000 người ở Hi-rô-si-ma bị chết".

(Đặng Đức An (chủ biên), Những mẩu chuyện lịch sử thế giới, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr.237-238)

a) Đến những năm 50 của thế kỉ XX, Mĩ là nước duy nhất trên thế giới sản xuất bom nguyên tử.

b) Một trong những mục đích của Mĩ khi ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản là để phô trương sức mạnh hạt nhân.

c) Hai quả bom nguyên tử đã khiến Nhật Bản ngay lập tức tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

d) Hai quả bom nguyên tử đã để lại hậu quả nặng nề về sinh mạng và vật chất đối với Nhật Bản trong thời gian dài.

III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm). Nêu hậu quả của chiến tranh thế giới thứ II đối với nhân loại? Nguyên nhân nào đã làm nên thắng lợi của Liên Xô và phe Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai? Hãy nêu ý nghĩa của thắng lợi đó? Chúng ta cần làm gì để thế giới không có chiến tranh?

Câu 2. (1,5 điểm). Hãy lập bảng hệ thống những nét chính về tình hình châu Á và Đông Nam Á từ năm 1918 đến năm 1945.

LIVEWORKSHEETS

7.2. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Bài 1. Dân tộc và dân số

Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

Bài 3. Lao động và việc làm

Bài 5. Nông nghiệp

Bài 6. Lâm nghiệp và thủy sản

II. CÂU HỎI MINH HỌA

Câu 1. Trình bày đặc điểm quy mô dân số và gia tăng dân số nước ta hiện nay.

Câu 2. Phân tích sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta.

Câu 3. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư nước ta. Nêu sự khác biệt giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị ở nước ta.

Câu 4. Trình bày thực trạng vấn đề việc làm và phương hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

Câu 5. Phân tích sự ảnh hưởng của nhân tố địa hình và đất tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

Câu 6. Trình bày sự phát triển và phân bố ngành trồng trọt ở nước ta.

Câu 7. Phân tích ảnh hưởng của nguồn lợi thủy sản tới sự phát triển và phân bố ngành thủy sản nước ta. Trình bày sự phát triển và phân bố ngành thủy sản nước ta.

Câu 8. Dựa vào bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 - 2024

Năm	1999	2009	2019	2024
Số dân *(triệu người)*	76,5	86,0	96,5	101,3
Tỉ lệ tăng dân số *(%)*	1,51	1,06	1,15	1,03

(Nguồn: Cục Thống kê năm 2025)

Hãy vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 1999 – 2024.

III. ĐỀ MINH HỌA

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau (3 điểm)

Câu 1. Tính đến năm 2024, quy mô dân số nước ta đứng thứ mấy trong Đông Nam Á?

A. 3 B. 15 C. 5 D. 13

Câu 2. Tính đến năm 2021, quy mô dân số nước ta đứng thứ mấy trên thế giới?

A. 15 B. 12 C. 13 D. 16

Câu 3. Dân số Việt Nam có đặc điểm nào sau đây?

A. Chủ yếu là dân thành thị B. Ít thành phần dân tộc

C. Cơ cấu dân số già D. Đông dân, tăng nhanh

Câu 4. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi nước ta có xu hướng:

LIVEWORKSHEETS

A. giảm nhóm từ 0 - 14 tuổi, tăng nhóm từ 15 - 64 tuổi và nhóm từ 65 tuổi trở lên
B. giảm nhóm từ 0 - 14 tuổi và nhóm từ 65 tuổi trở lên, tăng nhóm từ 15 - 64 tuổi
C. tăng nhóm từ 0 - 14 tuổi, giảm nhóm từ 15 - 64 tuổi và nhóm từ 65 tuổi trở lên
D. tăng nhóm từ 0 - 14 tuổi và nhóm từ 15 - 64 tuổi, giảm nhóm từ 65 tuổi trở lên

Câu 5. Hiện nay, vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất cả nước?
A. Tây Nguyên
B. Đông Nam Bộ
C. Đồng bằng sông Hồng
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 6. Hiện nay, vùng nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất cả nước?
A. Tây Nguyên
B. Đông Nam Bộ
C. Đồng bằng sông Hồng
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 7. Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, sống thưa thớt ở khu vực nào dưới đây?
A. Hải đảo
B. Đồng bằng
C. Đô thị
D. Ven biển

Câu 8. Dân cư nước ta tập trung đông đúc ở:
A. Đồng bằng, ven biển
B. Trung du, miền núi
C. Hải đảo
D. Hoang mạc

Câu 9. Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn là
A. nông nghiệp
B. công nghiệp
C. thương mại
D. du lịch

Câu 10. Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư thành thị là
A. công nghiệp và dịch vụ
B. trồng trọt và chăn nuôi
C. nông nghiệp và dịch vụ
D. lâm nghiệp và thuỷ sản

Câu 11. Nhân tố nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các vùng chuyên canh cây trồng và vật nuôi?
A. Khí hậu
B. Địa hình và đất
C. Sông ngòi
D. Sinh vật

Câu 12. Việt Nam có nguồn lao động:
A. dồi dào
B. giảm nhanh
C. rất ít
D. tăng đột ngột

2. Trắc nghiệm Đúng/ Sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) chọn đúng hoặc sai (2 điểm)

Câu 1. Phân bố dân cư ở nước ta:

a) Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn và tỉ lệ ngày càng tăng
b) Tỉ lệ dân thành thị thấp hơn nông thôn, có xu hướng tăng lên
c) Mức độ tập trung dân cư khu vực đồng bằng cao hơn miền núi
d) Vùng Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước

Câu 2. Cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng
a) Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp
b) Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp
c) Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, chăn nuôi và tăng tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp
d) Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, chăn nuôi và giảm tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp

LIVEWORKSHEETS

3. Hãy trả lời cho câu sau đây (2 điểm)

Câu 1. Theo Tổng cục thống kê, năm 2023 vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có diện tích là 40 576 km2, dân số là 17,4 triệu người. Mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là: …….

PHẦN II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm). Phân tích ảnh hưởng của nguồn lợi thủy sản tới sự phát triển và phân bố ngành thủy sản nước ta

Câu 2 (2 điểm). Dựa vào bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ TĂNG DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 - 2024

Năm	1999	2009	2019	2024
Số dân *(triệu người)*	76,5	86,0	96,5	101,3
Tỉ lệ tăng dân số *(%)*	1,51	1,06	1,15	1,03

(Nguồn: Cục Thống kê năm 2025)

Hãy vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 1999 – 2024

----------HẾT----------

LIVEWORKSHEETS